

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST  
Ngày 29 - 4 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST- DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm 7, thị t, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2022, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 28/5/2020 bà Nguyễn Thị Mỹ D có hỏi vay của ông với số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1,67%/tháng. Thời gian thanh toán là ngày 26/6/2020. Quá trình vay tiền thì bà D có ký biên nhận nợ ngày 28/5/2020. Đến ngày 26/5/2021 bà Nguyễn Thị Mỹ T có cam kết sẽ trả cho ông S số tiền là

17.000.000 đồng, trong trường hợp bà D không trả tiền cho ông. Từ khi vay tiền bà D không trả tiền cho ông cũng không đóng lãi, ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà D không thực hiện và cứ hứa hẹn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T trả cho ông với tổng số tiền là 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Việt S với bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T được xác định là “Hợp đồng vay tài sản” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Ông Nguyễn Việt S xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị Mỹ D có thỏa thuận vay tiền cụ thể là vào ngày 28/5/2020 bà Nguyễn Thị Mỹ D có hỏi vay của ông với số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1,67%/tháng. Thời gian thanh toán là ngày 26/6/2020. Quá trình vay tiền thì bà D có ký biên nhận nợ ngày 28/5/2020. Đến ngày 26/5/2021 bà Nguyễn Thị Mỹ T có đối chiếu số nợ và cam kết sẽ trả cho ông S số tiền là 17.000.000 đồng tiền vốn và lãi, trường hợp bà D không trả nợ cho ông S. Thời gian thanh toán là ngày 25/6/2021.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D có vay tiền của ông Nguyễn Việt S là thực tế xảy ra và để nợ quá hạn do bà D phải trả nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện. Phía ông S đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D không thanh toán cho ông S, bà Nguyễn Thị Mỹ T có đối chiếu nợ và cam kết sẽ trả số tiền trên cho ông S. Ông S có cung cấp một Biên nhận nợ lập ngày 28/5/2020 và Giấy cam kết ngày 26/5/2021 có nội dung về việc bà Nguyễn Thị Mỹ T đồng ý nhận nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị Mỹ D và bà Nguyễn Thị Mỹ T có ký tên đúng như ông S trình bày. Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ D hiện vẫn là vợ

chồng nên buộc ông H cùng trả nợ cho ông S là phù hợp. Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S và buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T trả cho Nguyễn Việt S tổng số còn nợ là 15.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26; 35; 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T cùng liên đới phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0017576 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho Nguyễn Việt S.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**